

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

*“V/v Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Chi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông **Lâm Hoàng Việt**

2/- Ông **Đặng Văn Dúng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Tấn Tài**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Ông **Thạch Vũ**, kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Thu T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 1A/8, khóm A, phường B, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Vũ Hoàng M**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 3/4, khóm C, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân thành phố Trà Vinh, bà Ngô Thị Thu T trình bày:

Vào năm 2014 bà và ông Vũ Hoàng M kết hôn, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường D, thành phố Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 01 người con là Vũ Thanh N, sinh ngày 07/12/2014. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh

hiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không hạnh phúc nên tình cảm không còn. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông M. Về con chung bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.0000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Vũ Hoàng M vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân và con chung. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông M không có ý kiến gì mà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung ông M đồng ý giao con chung cho bà T nuôi và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn với ông Vũ Hoàng M. Về con chung là Vũ Thanh N, sinh ngày 07/12/2014, hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vũ Hoàng M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: chị T và anh M được ly hôn với nhau. Về con chung: giao cháu Vũ Thanh N, sinh ngày 07/12/2014 cho chị T nuôi dưỡng và anh M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: buộc chị T nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và anh M nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/- Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Ông Vũ Hoàng M được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/- Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Thu T và ông Vũ Hoàng M kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Do trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông M.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, trong cuộc sống vợ chồng mọi vấn đề đều cần được giải quyết thông qua sự thỏa thuận để cùng nhau hòa hợp chung sống. Lẽ ra, khi giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ông M và bà T phải ngồi lại để cùng nhau tìm ra nguyên nhân để tháo gỡ nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, cả bà T và ông M đều không làm được điều đó nên khi xảy ra mâu thuẫn trong lúc bà T mới sinh con được một tháng, bà T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột, còn ông M thì không đến gặp vợ để tìm hiểu nguyên nhân và rước vợ con về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình mà bỏ mặc mẹ con của bà T nên vợ chồng đã ly thân nhau đã hơn 02 năm. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng bà T và ông M không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

3/- Về con chung: Vũ Thanh N, sinh ngày 07/12/2014, đang trong độ tuổi cần sự chăm sóc của mẹ, hiện nay cháu N đang sống cùng bà T và ông M cũng không tranh chấp quyền nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà T.

4/- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng của bà T là có căn cứ. Bởi lẽ trong điều kiện sống tại địa phương hiện nay, số tiền trên không đủ để chi phí cho nhu cầu sinh hoạt, dinh dưỡng đối với cháu bé, hơn nữa ông M có công việc và thu nhập tương đối ổn định nên với mức cấp dưỡng này cũng không ảnh hưởng đến nhu cầu cuộc sống của ông M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T. Buộc ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 07 hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng đầu tiên tính từ ngày 07/9/2017 là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

5/- Về tài sản chung: Bà T và ông M đều khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- **Về nợ chung:** bà T và ông M đều khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

6/- Về án phí: bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 53; 56; 81; 82; 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Thu T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Ngô Thị Thu T được ly hôn với ông Vũ Hoàng M.

- **Về con chung:** Giao cháu Vũ Thanh N, sinh ngày 07/12/2014 cho bà Ngô Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng.

- **Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con:** Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T. Buộc ông Vũ Hoàng M phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng vào ngày 07 hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng đầu tiên tính từ ngày 07/9/2017.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung:** bà T và ông M đều khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- **Về nợ chung:** bà T và ông M đều khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

* **Về án phí:** Buộc ông Vũ Hoàng M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Buộc bà Ngô Thị Thu T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009846 ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên bà T không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi